TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KHOÁI CHÂU** **TỈNH HƯNG YÊN** _____	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.** _____

Bản án số: 07/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 23/02/2021

"V/v: Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

I. Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

1. Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:ÔngPhạm Văn H.

2. Các Hội thẩm nhân dân:

2.1. Ông Nguyễn Đức T;

2.2. Bà Đặng Thị T.

II. Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh L– Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

II. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên:Bà Lê Thị T- Kiểm sát viên.

Ngày 23/02/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 269/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2020về việc "Hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 02/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 14/01/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29/01/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1996, *vắng mặt.*

Quê quán và hiện trú tại: Thôn V N, xã H T, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên; HKTT: Thôn B S II, xã T D, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

2. Bị đơn:Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1992, *vắng mặt.*

Quê quán, hiện trú tại: Thôn B S II, xã T D, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Cháu Nguyễn Kiều T1, sinh ngày 17/8/2015, *vắng mặt;*

3.2. Cháu Nguyễn Đức P, sinh ngày 25/4/2019, *vắng mặt.*

Người giám hộ cho cháu T1 và cháu P là chị Hoàng Thị H và anh Nguyễn Văn T (bố, mẹ đẻ của các cháu).

Đều HKTT: Thôn B S 2, xã T D, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

4. Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1972, *vắng mặt.*

Trú tại: Thôn V N, xã H T, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19-10-2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Hoàng Thị Htrình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1992 ở thôn B S II, xã T D, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, hai bên có tiến hành làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại trụ sở UBND xã Tân Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên vào năm 2014 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 10/10/2014. Sau khi kết hôn chị chuyển về chung sống cùng anh T và chuyển đăng ký hộ khẩu thường trú nhập về xã Tân Dân, huyện Khoái Châu cho đến nay. Tuy nhiên trong suốt thời gian hai bên chung sống không có sự hòa hợp, xảy ra bất đồng, mâu thuẫn, mặc dù đã được gia đình người thân động viên nhiều nhưng vẫn không thể cải thiện được tình cảm nên hiện anh chị sống ly thân nhau và mỗi người tự lo cuộc sống riêng. Trong thời gian hai bên sống ly thân nhiều lần anh T đến dọa nạt, đòi hành hung chị, đồng thời xúc phạm gia đình bên ngoại buộc chị phải báo chính quyền địa phương đến can thiệp. Đến nay sau khi suy xét kỹ lưỡng, xác định không thể hàn gắn, níu kéo thêm nên chị làm đơn xin giải quyết ly hôn với anh T để hai bên sớm ổn định cuộc sống. Đồng thời chị xác định giữ nguyên quan điểm, không có ý kiến gì khác nên đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên đã thụ lý giải quyết vụ án và thông báo cho các bên đương sự đến giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về các nội dung liên quan. Quan điểm của anh T cho biết: Về quan hệ hôn nhân cũng thống nhất như chị H đã trình bầy. Tuy nhiên trong suốt thời gian hai bên chung sống trước đây vào năm 2014 hai bên có xảy ra bất đồng về quan điểm sống nhưng đến khoảng hơn 01 tháng nay hai bên mới thực sự xảy ra căng thẳng nên cô H chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống cho đến nay. Nguyên nhân do hai bên bất đồng về quan điểm, lối sống. Anh có đánh chị H nhưng lý do vì chị H không thành thật với anh trong cuộc sống. Khi anh và chị H mâu thuẫn thì gia đình bố mẹ anh có khuyên bảo, động viên. Khi chị H chuyển về bên ngoại anh có đe dọa chị H nhưng lý do cũng chỉ vì mong muốn vợ chồng hàn gắn. Nay chị H làm đơn xin ly hôn với anh, quan điểm của anh mong muốn vợ chồng hàn gắn để nuôi dạy con cái, còn nếu sau chị H vẫn cương quyết thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị H và anh T đều khẳng định vợ chồng có 02 con chung, cháu lớn tên là Nguyễn Kiều T1, sinh ngày 17/8/2015 và cháu thứ hai là Nguyễn Đức P, sinh ngày 25/4/2019. Ngoài ra hai bên không nhận con nuôi và không có con riêng nào khác. Hiện cháu T1 đang ở cùng anh T và cháu P đang ở cùng chị H. Quan điểm của chị H xác định: Nếu ly hôn mỗi bên có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc một cháu. Theo đó chị trực tiếp nuôi cháu nhỏ là Nguyễn Đức P, còn để anh T nuôi cháu lớn là Nguyễn Kiều T1 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung: Ai nuôi cháu nào thì có trách nhiệm với cháu đó, không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét, giải quyết. Quan điểm của anh T xác định: Nếu ly hôn anh nhận nuôi cả hai cháu T1 và cháu P cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung: Anh không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét, giải quyết.

*Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình:*Chị H và anh T đều không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét giải quyết.

Tại các tài liệu các bên đương sự cung cấp, cũng như nội dung xác minh của Tòa án tại chính quyền địa phương xã Hồng Tiến và xã Tân Dân, cùng lời khai của người làm chứng cho thấy:Thống nhất như lời khai của chị H và anh T.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Chị H và anh T không có yêu cầu thay đổi, bổ sung gì khác chuyển Tòa án so với quan điểm đã trình bày trước đây.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

1. Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn đã tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng Dân sự, vi phạm quy định tại khoản 16 Điều 70 BLTTDS.

2. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 229, Điều 238 - BLTTDS năm 2015; Các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về quan hệ hôn nhân: Cần xử cho chị Hoàng Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Cần xử giao cháu Nguyễn Kiều T1, sinh ngày 17/8/2015 cho anh T và giao cháu Nguyễn Đức P, sinh ngày 25/4/2019 cho chị H để anh, chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc kể từ ngày 23/02/2021 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu đặt ra giải quyết. Sau khi ly hôn anh T và chị Hđều có quyền thăm nom, giáo dục con chung không ai được cản trở theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của chị H và anh T đối với hai bên gia đình: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Áp dụng Điều 147 BLTTDS năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án:

Nguyên đơn khởi kiện xin giải quyết ly hôn và giải quyết về con chung do vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của BLTTDS 2015 xác định đây là vụ án về hôn nhân và gia đình trong đó tranh chấp về ly hôn, nuôi con. Bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn B S II, xã T D, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yênnên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS năm 2015 thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm thuộc Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

[2] Về thành phần người tham gia tố tụng: Thành phần người tham gia tố tụng (Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng) đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng nguyên đơn đã có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt;Bị đơn không có yêu cầu phản tố vắng mặt và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai;Người có quyền lợi, nghĩa nghĩa vụ liên quan đã có người đại diện, giám hộ;Người làm chứng đã có quan điểm đề nghị xin giải quyết, xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 238của BLTTDS 2015 vụ án được đưa ra xét xử đảm bảo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung:

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Qua tài liệu các bên cung cấp, Tòa án thu thập xác minh cho thấy việc chị Hoàng Thị H và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau là tự nguyện, tự do tìm hiểu và có tiến hành làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã Tân Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 10/10/2014(theo số: 92, quyển số: 01/2014). Do vậy quan hệ hôn nhân của chị H và anh T là hợp pháp, đã được pháp luật công nhận. Trong thời gian hai bên chung sống xảy ra nhiều bất đồng về mọi vấn đề trong cuộc sống và diễn ra trong thời gian dài. Gia đình cũng đã khuyên bảo nhiều, đồng thời trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng đã hòa giải nhiều lần nhưng hai bên vẫn không cải thiện được mối quan hệ và chị H xác định không thể hàn gắn, níu kéo nếu cứ để tình trạng như hiện nay sẽ ảnh hưởng đến tinh thần và cuộc sống cá nhân của chị nên chịcương quyết giữ quan điểm xin được giải quyết ly hôn. Do đó, cần xử cho chị Hoàng Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

[3.2]*Về con chung*:Chị H và anh T đều khẳng định vợ chồng có 02 con chung, cháu lớn tên là Nguyễn Kiều T1, sinh ngày 17/8/2015 và cháu thứ hai là Nguyễn Đức P, sinh ngày 25/4/2019.

- Về nuôi con chung: Quan điểm của chị H nếu ly hôn mỗi bên có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc một cháu. Theo đó chị trực tiếp nuôi cháu nhỏ là Nguyễn Đức P, còn để anh T nuôi cháu lớn là Nguyễn Kiều T1 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Quan điểm của anh T nếu ly hôn anh nhận nuôi cả hai cháu T1 và cháu Pcho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Xét thấy nguyện vọng của các bên đều là chính đáng, tuy nhiên xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế do hiện cháu T1 đang sống cùng anh T và cháu Pđang sống cùng chị H. Điều kiện hiện tại của chị H và anh T đều đảm bảo để nuôi dưỡng, chăm sóc cho các cháu. Vì vậy cần xử giao cháu Nguyễn Kiều T1, sinh ngày 17/8/2015 cho anh T và giao cháu Nguyễn Đức P, sinh ngày 25/4/2019 cho chị H để anh, chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc kể từ ngày 23/02/2021 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

- Việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H và anh T không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét giải quyết nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

- Sau khi ly hôn chị H và anh T đều có quyền thăm nom, giáo dục con chung không ai được cản trở theo quy định của các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.3]*Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình*: Chị H và anh Tđều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Sau nếu có tranh chấp, yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ, việc dân sự khác.

***[4]Về án phí*:**Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***[5] Về quyền kháng cáo*:** Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Điều luật áp dụng: Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 238 - BLTTDS năm 2015; Các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27- Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Về hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

3. Về nuôi con chung: Xử giao cháu Nguyễn Kiều T1, sinh ngày 17/8/2015 cho anh T và giao cháu Nguyễn Đức P, sinh ngày 25/4/2019 cho chị H để anh, chị trực tiếp

nuôi dưỡng, chăm sóc kể từ ngày 23/02/2021 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung: Không đặt ra giải quyết. Sau khi ly hôn chị H và anh T đềucó quyền thăm nom, giáo dục con chung không ai được cản trở theo quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình: Không đặt ra giải quyết. Sau nếu có tranh chấp, yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ, việc dân sự khác.

5. Về án phí:Chị H phải chịu 300.000đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Hđã nộp theo Biên lai thu số 0002428ngày 09/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Khoái Châu.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn đồng thời là người đại diện cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (vắng mặt tại phiên tòa) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện Khoái Châu;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Dân;
- Chi cục THADS huyện KC;
- Lưu: Hồ sơ, Vp.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠTHẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Văn Huấn